

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-CDNN ngày 25 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa)

Tên ngành, nghề: Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ

Mã ngành, nghề: 5620305

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp từ trung học cơ sở trở lên (*học sinh tốt nghiệp THCS muốn học liên thông lên trình độ cao hơn thì học thêm phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình khung trung cấp ngành Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ được thiết kế để đào tạo người học trở thành kỹ thuật viên về lĩnh vực Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ. Có đạo đức, lương tâm, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc; có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đồng thời có khả năng học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu phát triển Kinh tế - Xã hội.

Nghề Nuôi trồng thuỷ sản nước mặn, lợ là nghề sản xuất ra các loại sản phẩm thuỷ sản có chất lượng cao phục vụ cho đời sống của nhân dân và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, xuất khẩu, góp phần cải tạo môi trường sinh thái; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động. Người học nghề nuôi trồng thuỷ sản nước mặn lợ sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn. có thể tham gia vào vị trí sau:

- Kỹ thuật viên sản xuất giống thuỷ sản nước mặn lợ;
- Kỹ thuật viên nuôi trồng thuỷ sản nước mặn lợ;
- Nhân viên bảo quản sản phẩm thuỷ sản sau thu hoạch;
- Kỹ thuật viên phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

1.2. Mục tiêu cụ thể



- Kiến thức: Hiểu được kiến thức cơ bản về:
 - + Công trình nuôi thủy sản, quản lý chất lượng nước, dinh dưỡng và thức ăn trong nuôi trồng thủy sản, bệnh động vật thủy sản và an toàn lao động trong nuôi trồng thủy sản;
 - + Kỹ thuật sản xuất giống, nuôi thương phẩm các đối tượng thủy sản nước mặn lợ có giá trị kinh tế, vận chuyển động vật thủy sản;
 - + Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm sản phẩm sau thu hoạch, kỹ năng giao tiếp.
- Chính trị, đạo đức
 - + Xây dựng được niềm tin, lý tưởng cách mạng cho người học; chấp hành chủ trương đường lối của Đảng và chính sách, Pháp luật của Nhà nước về nuôi trồng thủy sản;
 - + Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;
 - + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỷ, chính xác;
 - + Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.
- Thể chất, quốc phòng:
 - + Có đủ sức khoẻ để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
 - + Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền;...
 - + Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;
 - + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;
 - + Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Nghề nuôi trồng thuỷ sản nước mặn, nước lợ là nghề có phạm vi hoạt động rộng ở các vùng ven biển, các trạm, trang trại và doanh nghiệp. Người học nghề nuôi trồng thuỷ sản nước mặn, nước lợ có thể tham gia vào các vị trí sau:

- Kỹ thuật viên sản xuất giống thuỷ sản nước mặn, nước lợ đào tạo trình độ 2/5;
- Kỹ thuật viên nuôi thuỷ sản nước mặn, nước lợ đào tạo trình độ 2/5;
- Nhân viên bảo quản sản phẩm thuỷ sản sau thu hoạch đào tạo trình độ 2/5.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 27

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 63 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.350 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 379 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.163 giờ; Kiểm tra: 63 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/TT/ thí nghiệm/ BT/TL	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	51	1350	285	1015	50
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	16	360	120	224	16
MH 07	Thủy sinh vật	2	45	15	28	2
MH 08	Ngu loại	2	45	15	28	2
MH 09	Khảo sát, thiết kế công trình nuôi thủy sản	2	45	15	28	2
MH 10	Chuẩn bị công trình nuôi thuỷ sản	2	45	15	28	2
MH 11	Dinh dưỡng và thức ăn trong nuôi thủy sản	2	45	15	28	2
MH 12	Quản lý chất lượng nước trong nuôi thuỷ sản	2	45	15	28	2
MH 13	Bệnh động vật thuỷ sản	2	45	15	28	2
MH 14	An toàn lao động trong nuôi trồng thuỷ sản	2	45	15	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	27	810	105	679	26
MD 15	Sản xuất giống cá biển	3	75	15	56	4
MD 16	Sản xuất giống tôm sú	3	75	15	56	4
MD 17	Sản xuất giống tôm he chân trắng	3	75	15	56	4



Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/TT/ thí nghiệm/ BT/TL	Kiểm tra
MD 18	Nuôi cá lồng trên biển	3	75	15	56	4
MD 19	Nuôi cá trong ao nước lợ	3	75	15	56	4
MD 20	Nuôi tôm sú thương phẩm	3	75	15	56	4
MD 21	Vận chuyển động vật thủy sản	2	45	15	28	2
	Thực tập giáo trình	2	90		90	
	Thực tập tốt nghiệp	5	225		225	
II.3	Môn học, mô đun tự chọn (chọn 4 trong 6 mô đun)	8	180	60	112	8
MD 22	Sản xuất giống cua biển	2	45	15	28	2
MD 23	Sản xuất giống động vật thân mềm	2	45	15	28	2
MD 24	Nuôi cua thương phẩm	2	45	15	28	2
MD 25	Nuôi tôm he chân trắng thương phẩm	2	45	15	28	2
MD 26	Nuôi Ngao nghêu	2	45	15	28	2
MD 27	Nuôi Trai ngọc biển	2	45	15	28	2
	Cộng:	63	1605	379	1163	63

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động ngoại khoá

- Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động Đoàn; Các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, cầu lông, bóng đá, bóng chuyền, các câu lạc bộ tin học, ngoại ngữ; các phong trào thi đua nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn;

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, có thể bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian tham quan được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá.

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 - 6 giờ; 17 - 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 - 21 giờ (01 buổi/tuần)

TT	Nội dung	Thời gian
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối Thứ bảy, Chủ nhật
5	Học sinh tự học	Ngoài giờ học hàng ngày
6	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, trong chương trình đào tạo.

4.3. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Lý thuyết nghề	Viết tự luận	Không quá 180 phút
		Trắc nghiệm	Từ 60 - 90 phút
		Vấn đáp	Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)
2	Thực hành nghề	Bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm và thực hành	Từ 1 đến 3 ngày và không quá 8 giờ/ ngày

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng Trung cấp theo quy định./.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Hoằng Bá Huyền